

**TÒA ÁN QUÂN SỰ
QUÂN KHU 9**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HS-PT

Ngày 27-4-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN QUÂN SỰ QUÂN KHU 9

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

+ Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Trung tá Trần Quốc Tài.

+ Các Thẩm phán: Thượng tá Lê Minh Sơn.

Thượng tá Nguyễn Vũ Phương.

- Thư ký phiên tòa: Trung úy Huỳnh Hải Duy, Thư ký Tòa án quân sự Quân khu 9.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Quân khu 9 tham gia phiên tòa: Trung tá Lê Văn Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án quân sự Quân khu 9, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2023/TLHS-PT ngày 23 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Văn T do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2023/HS-ST ngày 15-02-2023 của Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 9.

- Bị cáo kháng cáo: Nguyễn Văn T; sinh ngày 01/01/1996, tại tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: ấp V, xã VH, huyện C, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Ngư dân; trình độ văn hóa: lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị H; có vợ và 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Trần Thị Mộng T, Luật sư Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 04 giờ 30 phút, ngày 21/7/2021, tàu Cảnh sát biển số hiệu CSB 4035 (tàu CSB) đang thi hành nhiệm vụ thì phát hiện 02 tàu đánh bắt cá số hiệu KG-94793-TS (tàu cá) và KG-91530 có dấu hiệu vi phạm nên đuổi theo và yêu cầu dừng tàu để kiểm tra nhưng 02 tàu cá tăng tốc bỏ chạy theo 02 hướng khác nhau. Lúc này, Nguyễn Văn T điều khiển tàu KG-94793-TS đã yêu cầu Nguyễn Văn T1 xóa 02 số “93” trên số hiệu tàu. Tàu CSB đuổi theo tàu cá KG-94793-TS đến

khoảng 6 giờ 45 phút thì tiếp cận được tàu cá. Sau đó, liên tục phát lệnh dừng tàu, dùng vòi rồng, bắn 03 phát pháo hiệu cảnh cáo và dùng loa tuyên truyền nhưng tàu cá vẫn tiếp tục bỏ chạy và chạy vòng tròn, xoắn ốc để tránh sự tiếp cận của tàu CSB. Sau khi T nói “thả dây” thì các đối tượng: Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Văn T2, Trần Anh Q, Võ Trung H và Nguyễn Thanh C thả 02 dây thừng ra phía sau đuôi tàu với mục đích không cho tàu CSB áp sát.

Đến 12 giờ cùng ngày, tàu Kiểm ngư KN 270 đến phối hợp yêu cầu tàu cá dừng để kiểm tra nhưng T vẫn không dừng tàu và yêu cầu các thuyền viên tiếp tục “thả dây”. Lúc này, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn T2, Võ Trung H tiếp tục thả thêm 02 dây thừng phía sau đuôi tàu. Tàu CSB tiếp tục áp sát tàu cá và các đồng chí gồm: Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Xuân H, Nguyễn Văn D, Phạm Đức H chuẩn bị nhảy sang tàu cá để kiểm tra thì một số thuyền viên trên tàu cá đã có các hành vi đe dọa dùng vũ lực để chống đối lực lượng CSB, cụ thể như sau: Trần Văn L đã có hành vi ném 01 dao Thái Lan ngắn và 02 khối kim loại chì qua tàu CSB. Lê Trung H đã ném 01 cây gậy màu trắng đỏ, 02 khối kim loại chì qua tàu CSB và cầm 01 con dao dài 40cm, cán gỗ hướng về tàu CSB. Ngoài ra, khi T nói thả dây, Lê Trung H còn tham gia chuyền dây thừng từ nóc tàu xuống boong tàu. Nguyễn Văn T2 đã có hành vi 02 lần thả dây thừng và cầm 01 thanh kim loại hình dáng giống mã tấu hướng về tàu CSB khi tàu CSB áp sát. Võ Trung H đã có hành vi 02 lần thả dây thừng và cầm 01 con dao dài 50cm hướng về tàu CSB khi tàu CSB áp sát. Nguyễn Thanh C đã có hành vi 01 lần thả dây thừng và ném 01 bồ cào sắt dài khoảng 40cm lên tàu CSB. Triệu Hoàng T đã có hành vi ném 01 đoạn dây xích dài 10cm sang tàu CSB và cầm 01 thanh sắt dài 50cm, rộng 5cm hướng về tàu CSB khi tàu CSB áp sát. Trần Anh Q đã có hành vi 01 lần thả dây thừng và ném 01 khối kim loại chì qua tàu CSB. Nguyễn Thanh T đã có hành vi 02 lần thả dây thừng. Nguyễn Văn H đã có hành vi cầm xẻng hướng về tàu CSB khi tàu CSB áp sát. Đến khoảng 17 giờ 10 phút cùng ngày, T gọi điện thoại cho chủ tàu là ông Trần Văn N báo cáo sự việc. Theo yêu cầu của ông N nên T dừng tàu, chấp hành kiểm tra của lực lượng CSB.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2023/HS-ST ngày 15-02-2023 của Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 9 đã quyết định:

- Về hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Trung H, Trần Văn L, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Văn T2 (tên gọi khác: B), Võ Trung H (tên gọi khác: Huỳnh Trung H), Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn H (tên gọi khác: Nguyễn Văn H1) và Nguyễn Văn T1 phạm tội “Chống người thi hành công vụ”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 330; các khoản 1, 3 Điều 17; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 330; các khoản 1, 3 Điều 17; khoản 1 Điều 38; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Trung

H, Trần Văn L, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Văn T2, Võ Trung H, Nguyễn Thanh T và Nguyễn Văn H, xử phạt các bị cáo từ 09 tháng tù đến 01 năm 03 tháng tù. Riêng bị cáo Nguyễn Văn T1 bị xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo, đương sự trong vụ án.

Ngày 23/02/2023, bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo vì cho rằng mức án Tòa án sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là quá nặng và quá nghiêm khắc.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm; giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Quan điểm của Viện kiểm sát quân sự Quân khu 9:

- Về tội danh: Bị cáo Nguyễn Văn T không chấp hành hiệu lệnh yêu cầu kiểm tra của lực lượng Cảnh sát biển; dùng thủ đoạn chống đối như: xóa số hiệu tàu, thả dây thùng, chạy vòng tròn, xoắn ốc không cho tàu CSB áp sát; dùng hung khí đe dọa không cho lực lượng chức năng thực thi nhiệm vụ. Lực lượng làm nhiệm vụ đã truy đuổi liên tục từ 04 giờ 30 sáng đến khoảng hơn 17 giờ chiều cùng ngày mới bắt giữ được tàu cá vi phạm; làm tiêu hao một số lượng lớn nhiên liệu của lực lượng CSB. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chống người thi hành công vụ” theo quy định tại Điều 330 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn T là thuyền trưởng tàu cá, đã có hành vi xúi giục, lôi kéo các thuyền viên phạm tội nên hành vi của bị cáo thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 330 Bộ luật Hình sự. Tòa án sơ thẩm kết án bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Chống người thi hành công vụ” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 330 Bộ luật Hình sự; các đồng phạm khác bị kết án theo quy định tại khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

- Về mức hình phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T bị xét xử theo điểm c khoản 2 Điều 330 Bộ luật Hình sự, có mức phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. Bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ và 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có hành vi xúi giục, lôi kéo người khác phạm tội; cố tình thực hiện tội phạm đến cùng. Tòa án sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm 02 tháng tù là thỏa đáng.

- Về đề nghị được hưởng án treo: Bị cáo Nguyễn Văn T có 01 tình tiết tăng nặng và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không đủ điều kiện được hưởng án treo. Tòa án sơ thẩm không cho bị cáo Nguyễn Văn T hưởng án treo là đúng.

Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2023/HS-ST ngày 15-02-2023 của Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 9.

Bị cáo cho rằng, Tòa án sơ thẩm kết án bị cáo về tội “Chống người thi hành công vụ” theo điểm c khoản 2 Điều 330 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng

pháp luật. Tuy nhiên, hình phạt áp dụng đối với bị cáo là nặng. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình khó khăn, con còn nhỏ, vợ không có việc làm, bị cáo là lao động chính của gia đình, đã nhận thức được sai phạm của mình và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm có điều kiện tiếp tục lao động, tạo thu nhập nuôi sống gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T là hợp lệ, trong thời hạn luật định.

[2] Bị cáo thừa nhận đã chỉ đạo các thuyền viên trên tàu thực hiện hành vi chống đối, không chấp hành hiệu lệnh, yêu cầu kiểm tra của lực lượng chức năng như tại Bản án sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Văn T là thuyền trưởng, đã có hành vi xúi giục, lôi kéo các thuyền viên trên tàu phạm tội nên hành vi của bị cáo thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 330 Bộ luật Hình sự. Tòa án sơ thẩm kết án bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Chống người thi hành công vụ” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 330 Bộ luật Hình sự; các đồng phạm khác bị kết án theo quy định tại khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo

- Về mức hình phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T bị xét xử theo điểm c khoản 2 Điều 330 Bộ luật Hình sự, có mức phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. Bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ và 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có hành vi xúi giục, lôi kéo người khác phạm tội; cố tình thực hiện tội phạm đến cùng. Tòa án sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm 02 tháng tù là phù hợp với T chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

- Về áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo: Bị cáo Nguyễn Văn T có 01 tình tiết tăng nặng và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Căn cứ Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, bị cáo Nguyễn Văn T không đủ điều kiện được hưởng án treo. Tòa án sơ thẩm không cho bị cáo Nguyễn Văn T hưởng án treo là đúng. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chính vì lý do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2023/HS-ST ngày 15-02-2023 của Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 9.

- Về án phí: Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 3 Điều 260; điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2023/HS-ST ngày 15-02-2023 của Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 9.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Chống người thi hành công vụ”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 330; các khoản 1, 3 Điều 17; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

2. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị./.

Nơi nhận:

- VKSQS QK9 (01);
- Cơ quan THAHS QK9 (02);
- Cơ quan ĐTHS KV2 các TCSN (01);
- VKSQS Khu vực 92 (01);
- TAQSKV QK9 (03);
- Bị cáo Nguyễn Văn T (01);
- Phòng Thi hành án QK9 (01)
- Lưu HSVA (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trung tá Trần Quốc Tài